

Số: 1572 /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 25 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện  
thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-BKHCN ngày 29/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-BKHCN, ngày 28/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Danh mục Thủ tục hành chính đủ điều kiện để thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu.

*(Có Danh mục chi tiết tại Phụ lục I, II, III kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu; Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lai Châu.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- V, VX, HCC, CB
- VNPT Lai Châu (p/h);
- Lưu: VT, Ks3.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Lương**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LAI CHÂU**

*(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày        tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)*

| STT  | Mã TTHC                                  | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số lượng | Phí/Lệ phí thực hiện |        |       |
|------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------|--------|-------|
|      |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |          | Phí                  | Lệ phí | Không |
| Tổng |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7        | 3                    | 2      | 2     |
| I    | Lĩnh vực Hoạt động Khoa học và Công nghệ |                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2        | 0                    | 1      | 1     |
| 1    | 1.001786.000.00.00.H35                   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                                            |          |                      | x      |       |
| 2    | 1.011818.000.00.00.H35                   | Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |          |                      |        | x     |
| II   | Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng  |                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1        | 1                    | 0      | 0     |
| 5    | 2.001209.000.00.00.H35                   | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận                                                                                                                                                                                     |          | x                    |        |       |
| IV   | Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân         |                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2        | 0                    | 1      | 1     |
| 1    | 2.002385.000.00.00.H35                   | Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế                                                                                                                                                                                                                             |          |                      |        | x     |
| 2    | 2.002379.000.00.00.H35                   | Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)                                                                                                                                                                        |          |                      | x      |       |

|          |                           |                                                    |          |          |          |          |
|----------|---------------------------|----------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|
| <b>V</b> | <b>Lĩnh vực Bưu chính</b> |                                                    | <b>2</b> | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
| 3        | 1.003633.000.00.00.H35    | Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn            |          | x        |          |          |
| 5        | 1.004470.000.00.00.H35    | Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính |          | x        |          |          |

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LAI CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày        tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

| STT  | Mã TTHC                          | Tên TTHC                                                                                             | Số lượng | Phí/Lệ phí thực hiện |        |       |
|------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------|--------|-------|
|      |                                  |                                                                                                      |          | Phí                  | Lệ phí | Không |
| Tổng |                                  |                                                                                                      | 3        | 2                    | 0      | 1     |
| I    | Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân |                                                                                                      | 3        | 2                    | 0      | 1     |
| 1    | 2.002382.000.00.00.H35           | Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế |          |                      |        | x     |
| 2    | 2.002380.000.00.00.H35           | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.    |          | x                    |        |       |
| 3    | 2.002381.000.00.00.H35           | Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế |          | x                    |        |       |

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI**  
**QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LAI CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày        tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

| STT  | Mã TTHC                                  | Tên TTHC                                                                                                                  | Số lượng | Phí/Lệ phí thực hiện |        |       |
|------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------|--------|-------|
|      |                                          |                                                                                                                           |          | Phí                  | Lệ phí | Không |
| Tổng |                                          |                                                                                                                           | 46       | 1                    | 2      | 3     |
| I    | Lĩnh vực Hoạt động Khoa học và Công nghệ |                                                                                                                           | 28       | 4                    | 2      | 22    |
| 1    | 1.006427.000.00.00.H35                   | Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.                               |          |                      |        | x     |
| 2    | 1.001770.000.00.00.H35                   | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ                                       |          |                      |        | x     |
| 3    | 1.001747.000.00.00.H35                   | Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ                            |          |                      | x      |       |
| 4    | 1.001693.000.00.00.H35                   | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ             |          | x                    |        |       |
| 5    | 1.001677.000.00.00.H35                   | Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ  |          |                      | x      |       |
| 6    | 1.011814.000.00.00.H35                   | Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu |          |                      |        | x     |
| 7    | 1.011815.000.00.00.H35                   | Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến                                                                                           |          |                      |        | x     |

|    |                        |                                                                                                                                                                                              |  |   |  |   |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|--|---|
| 8  | 1.011816.000.00.00.H35 | Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực |  |   |  | X |
| 9  | 1.011820.000.00.00.H35 | Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước                                                                                            |  |   |  | X |
| 10 | 2.002544.000.00.00.H35 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)                                         |  |   |  | X |
| 11 | 2.002546.000.00.00.H35 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)                            |  |   |  | X |
| 12 | 2.002548.000.00.00.H35 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)                                     |  |   |  | X |
| 13 | 2.002249.000.00.00.H35 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)                                  |  | X |  |   |
| 14 | 2.002248.000.00.00.H35 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)                                                      |  | X |  |   |
| 15 | 1.011812.000.00.00.H35 | Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu                                                                               |  |   |  | X |
| 16 | 2.001525.000.00.00.H35 | Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ                                                                                                    |  |   |  | X |
| 17 | 2.002278.000.00.00.H35 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ                                                                                                                               |  |   |  | X |
| 18 | 2.001179.000.00.00.H35 | Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ                                                           |  |   |  | X |

|    |                        |                                                                                                                                                                                                                                     |  |   |  |   |
|----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|--|---|
| 19 | 1.001716.000.00.00.H35 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ                                                                                                                   |  | X |  |   |
| 20 | 3.000259.000.00.00.H35 | Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam                                                                                                           |  |   |  | X |
| 21 | 2.002144.000.00.00.H35 | Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người. |  |   |  | X |
| 22 | 2.000079.000.00.00.H35 | Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.                    |  |   |  | X |
| 23 | 1.011819.000.00.00.H35 | Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương                                                      |  |   |  | X |
| 24 | 1.002690.000.00.00.H35 | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.                                                                                                                                                          |  |   |  | X |
| 25 | 2.001137.000.00.00.H35 | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.                                                                            |  |   |  | X |
| 26 | 2.001143.000.00.00.H35 | Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.                                                                                                                                                  |  |   |  | X |
| 27 | 2.001643.000.00.00.H35 | Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.                                        |  |   |  | X |
| 28 | 1.012353.000.00.00.H35 | Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)                       |  |   |  | X |



|            |                                                |                                                                                                                                                                                                          |          |          |          |          |
|------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân</b>        |                                                                                                                                                                                                          | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>2</b> |
| 1          | 2.002383.000.00.00.H35                         | Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế                                                                                                     |          |          |          | x        |
| 2          | 2.002384.000.00.00.H35                         | Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế                                                                                                     |          |          |          | x        |
| <b>III</b> | <b>Sở hữu trí tuệ</b>                          |                                                                                                                                                                                                          | <b>3</b> | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>1</b> |
| 1          | 1.011939.000.00.00.H35                         | Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp                                                                                                                                     |          |          |          | x        |
| 2          | 1.011938.000.00.00.H35                         | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)                                                                                                                          |          | x        |          |          |
| 3          | 1.011937.000.00.00.H35                         | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)                                                                                                                              |          | x        |          |          |
| <b>IV</b>  | <b>Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng</b> |                                                                                                                                                                                                          | <b>8</b> | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>6</b> |
| 1          | 2.000212.000.00.00.H35                         | Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng                                                                                                                                                                   |          |          |          | x        |
| 2          | 2.001259.000.00.00.H35                         | Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu                                                                                                                     |          |          |          | x        |
| 3          | 2.001277.000.00.00.H35                         | Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành |          | x        |          |          |
| 4          | 2.001207.000.00.00.H35                         | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh                                                                                                 |          | x        |          |          |
| 5          | 1.001392.000.00.00.H35                         | Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu                                                                                                                                          |          |          |          | x        |
| 6          | 2.002253.000.00.00.H35                         | Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân                                                                             |          |          |          | x        |

|          |                           |                                                                               |          |          |          |          |
|----------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|
| 7        | 2.001269.000.00.00.H35    | Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia     |          |          |          | X        |
| 8        | 1.000449.000.00.00.H35    | Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng                |          |          |          | X        |
| <b>V</b> | <b>Lĩnh vực Bưu chính</b> |                                                                               | <b>5</b> | <b>4</b> | <b>0</b> | <b>1</b> |
| 1        | 1.003659.000.00.00.H35    | Cấp giấy phép bưu chính                                                       |          | X        |          |          |
| 2        | 1.003687.000.00.00.H35    | Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính                                          |          | X        |          |          |
| 3        | 1.004379.000.00.00.H35    | Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được        |          | X        |          |          |
| 4        | 1.005442.000.00.00.H35    | Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được |          | X        |          |          |
| 5        | 1.010902.000.00.00.H35    | Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính               |          |          |          | X        |